

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2026/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao
do địa phương tổ chức áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 26/2018/QH14;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ
trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối
với các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà
Tĩnh; Báo cáo thẩm tra số 528/BC-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Ban
Văn hóa - Xã hội-Hội đồng-nhân-dân-tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi đối với các
giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao do địa
phương tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân
sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban đại hội thể dục thể thao.

c) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu.

d) Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá, futsal.

e) Vận động viên, huấn luyện viên.

f) Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ.

g) Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

h) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

TT	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)
1	Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức; trưởng các tiểu ban và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	170.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	200.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	140.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với đại hội thể dục thể thao)	
a	Người tập	
-	Tập luyện	70.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	90.000/buổi
-	Chính thức	160.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá, futsal	
a	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	350.000/buổi

-	Trợ lý trọng tài, giám sát	250.000/buổi/người
-	Điều phối viên	160.000/buổi/người
b	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	240.000/buổi/người
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	170.000/buổi/người
-	Điều phối viên	120.000/buổi/người

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định thành lập hoặc văn bản phân công nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu: được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo số buổi thi đấu thực tế; trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức chi cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và đi lại: đối với các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu, tối đa không quá 02 ngày trước ngày thi đấu và 01 ngày sau khi kết thúc thi đấu; mức chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 70/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 156/2025/NQ-HĐND.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với đại hội thể dục thể thao): thực hiện theo Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với việc sáng tạo, khai thác, sử dụng tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi dịch vụ: thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

5. Đối với các giải thể thao quần chúng do cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức; các giải thể thao khác do sở, ngành, địa phương tổ chức (trừ các giải thể thao đã quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này): cơ quan, tổ chức phê duyệt mức chi đối với các giải thi đấu thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

6. Các khoản chi chưa được quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 7 năm 2026.
2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Thường trực: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HD, TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh